



REC



面 side, face



方位

fāng wèi

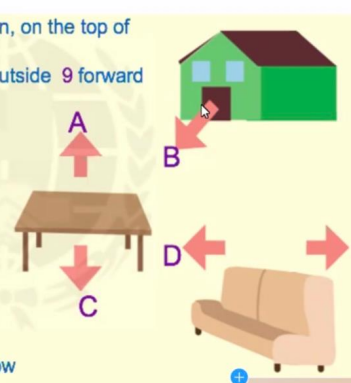
Positional Phrases

7 on, on the top of

8 outside 9 forward

1. 上面 shàng miàn
3. 裡面 lǐ miàn
5. 前面 qián miàn

2. 下面 xià miàn
4. 外面 wài miàn
6. 後面 hòu miàn



10 inside 11 backward 12 under, below

